TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 179/2025/DS-ST
Ngày: 22 - 4 -2025
V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Lý

Bà Võ Thị Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Lê Thị Thu Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22/4/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 876/2024/TLST- DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 về "Tranh chấp Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2025/QĐXXST-DS ngày 24/02/2025 và Quyết định hoãn phiên toà số 63/2025/QĐST-DS ngày 24/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q; địa chỉ trụ sở: 18 Lê Văn L, phường T, quận C, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T; địa chỉ: Lầu 5, số 538 C, phường M, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (văn bản ủy quyền số 1054/UQ-MBAMC ngày 04/5/2024). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thủy T, sinh năm 1980; địa chỉ thường trú: Số 98F đường Q, Phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên hệ: Số 42E đường S, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Công ty cổ phần H; địa chỉ trụ sở: Đường H, phường M và phường H, Thành phố P, Tỉnh Bình Thuận; địa chỉ liên hệ: Số 65 đường N, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1990; địa chỉ liên hệ: Số 65 đường N, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh. (giấy ủy quyền số 09/2024/GUQ-HGH ngày 01/8/2024). (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/5/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 26/9/2020 giữa Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) và bà Nguyễn Thị Thủy T có ký Hợp đồng cho vay số 140001.20.113.8024440.TD và sau đó các bên tiếp tục ký đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LTI20266000563.ST01/LD2027333823 ngày 29/9/2020 với nội dung như sau: Số tiền vay 3.868.158.680 đồng, mục đích vay thanh toán tiền mua căn biệt thự số NH-3-1.18 tại Khu du lịch vui chơi biệt thự nghỉ dưỡng Royal Ruby Villa Mũi Né, thời hạn vay 240 tháng (từ ngày 30/9/2020 đến ngày 29/9/2040), trong thời gian kể từ ngày 30/9/2020 đến ngày 29/3/2022 áp dụng lãi suất ưu đãi 8,9%/năm, từ ngày 30/3/2022 đến ngày 29/9/2040 lãi suất điều chỉnh sẽ cộng với biên độ 4,3%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn, theo hợp đồng Ngân hàng đã giải ngân số tiền trên cho bà T.

Tài sản đảm bảo cho khoản vay trên là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán biệt thự nghỉ dưỡng số NH-3-1.18/2020/HDMBBTND/HGH-NTTT ký ngày 22/9/2020 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần H và bà Nguyễn Thị Thủy T về việc mua bán chuyển nhượng biệt thự nghỉ dưỡng có mã số NH-3-1.18, loại biệt thự 2BED-2KEY, khu vực NH-3, dãy 1, số thứ tự 18, diện tích xây dựng 78.33 m2, diện tích khuôn viên biệt thự 252.19 m^2 thuộc khu du lịch vui chơi biệt thự nghỉ dưỡng Royal Ruby Villa Mũi Né tại xã Thiện Nghiệp, phường Mũi Né và phường Hàm Tiến, Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở số 140012.20.113.8024440.BĐ ngày 26/9/2020 được ký giữa Ngân hàng và bà T.

Quá trình thực hiện hợp đồng bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở nhưng bà cố tình trốn tránh, không hợp tác. Tính đến ngày 22/4/2025 bà T còn nợ tổng số tiền 3.450.447.977 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 3.275.737.988 đồng (gồm nợ gốc trong hạn 3.223.465.574 đồng, nợ gốc quá hạn 52.272.414 đồng), nợ lãi 174.709.989 đồng (gồm lãi trong hạn 168.346.562 đồng, lãi quá hạn 1.262.832 đồng và lãi chậm trả 5.100.595 đồng).

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải thanh toán một lần toàn bộ nợ gốc và lãi nêu trên cho Ngân hàng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật; yêu cầu bị đơn tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 23/4/2025 theo mức lãi suất do các bên thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi thanh toán xong nợ.

Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đề nghị được phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp trên để thu hồi nợ, toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của bị đơn đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì bị đơn vẫn phải có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần còn lại cho đến khi hết nợ.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T trình bày tại bản tự khai ngày 19/9/2024:

Bà thống nhất như trình bày của đại diện nguyên đơn về việc các bên đã ký Hợp đồng tín dụng, kế ước nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản để vay số tiền 3.868.158.680 đồng. Quá trình thanh toán nợ vay, đợt đầu năm 2024 bà có chậm trả nợ gốc và lãi định kỳ nhưng hiện tại bà đã thanh toán nợ quá hạn đầy đủ nên bà yêu cầu được tiếp tục thanh toán theo định kỳ trước đây như các bên đã thỏa thuận, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của hợp đồng đã ký.

Người đại diện theo ủy quyền có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Ngày 22/9/2020, Công ty cổ phần H và khách hàng là bà Nguyễn Thị Thùy T ký Hợp đồng mua bán biệt thự nghỉ dưỡng số NH-3-1.18/2020/HDMBBTND/HGH-NTTT và các phụ lục kèm theo hợp đồng với nội dung công ty bán cho bà T căn biệt thự có mã số NH-3-1.18 thuộc Dự án Khu du lịch vui chơi biệt thự nghỉ dưỡng Royal Ruby Villa Mũi Né tại xã Thiện Nghiệp, Phường Mũi Né và Phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận do công ty là Chủ đầu tư với giá 9.670.398.700 đồng và tiến độ thanh toán được quy định tại Phụ lục 5 của Hợp đồng mua Bán. Hiện tại, bà Nguyễn Thị Thủy T đã thanh toán cho công ty số tiền 9.228.399.100 đồng và còn phải thanh toán số tiền 441.999.600 đồng khi công ty có thông báo nộp hồ sơ để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu cho bà T. Hiện công ty đã bàn giao căn biệt thự NH-3-1.18 cho bà T vào ngày 11/02/2022, công ty không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung của vụ án. Do đó, công ty xin vắng mặt trong toàn bộ quá trình Tòa giải quyết vụ án và khi đưa vụ án ra xét xử.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Toà án:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn thanh toán khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ đã ký kết được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T cư trú tại quận G. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] *Xét các yêu cầu của nguyên đơn:*

2.1 Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc, lãi:

Căn cứ vào lời khai xác nhận của các bên đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở để khẳng định Hợp đồng cho vay số 140001.20.113.8024440.TD ngày 26/9/2020, đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số LTI20266000563.ST01/LD2027333823 ngày 29/9/2020 do bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T ký với Ngân hàng TMCP Q - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh là Hợp đồng vay tài sản, có biện pháp bảo đảm thế chấp tài sản là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán biệt thự nghỉ dưỡng số NH-3-1.18/2020/HDMBBTND/HGH-NTTT ký ngày 22/9/2020 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần H và bà Nguyễn Thị Thủy T. Tính đến ngày 22/5/2025 bị đơn còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 3.275.737.988 đồng, mặc dù Ngân hàng nhiều lần nhắc nhở nhưng bị đơn vẫn không thanh toán nên yêu cầu đòi nợ gốc của nguyên đơn là có cơ sở.

Theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ đã ký, bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng nợ gốc và lãi trong hạn nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã tính lãi theo quy định tại các điều 2, 6, 8 và Điều 9 của Hợp đồng cho vay 26/9/2020 và các mục 4, 5, 6 của Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ ngày 29/9/2020. Tổng số tiền lãi tính đến ngày 22/4/2025 là 174.709.989 đồng (gồm lãi trong hạn 168.346.562 đồng, lãi quá hạn 1.262.832 đồng, lãi chậm trả 5.100.595 đồng) theo bảng tình hình giao dịch tiền vay của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Về phía bị đơn thừa nhận việc vi phạm thời gian thanh toán, chậm trả nợ gốc và lãi định kỳ nhưng hiện tại đã thanh toán nợ quá hạn đầy đủ nên bị đơn không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ của hợp đồng đã ký. Xét, trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù bị đơn nhiều lần đề nghị như trên nhưng vẫn không được phía nguyên đơn đồng ý; đồng thời căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện tính đến thời điểm hiện tại bị đơn vẫn tiếp tục vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét thấy, các Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên có hình thức, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên hợp đồng nêu trên có hiệu lực. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên căn cứ các điều 280, 463, 466 của Bộ luật Dân sự; các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn toàn bộ nợ gốc, lãi tính đến ngày 22/4/2025 là 3.450.447.977 đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2 Đối với yêu cầu phải tiếp tục chịu tiền lãi quá hạn phát sinh kể từ ngày 23/4/2025 cho đến khi bị đơn thanh toán xong nợ theo mức lãi suất được các bên thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

2.3 Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm: Xét, Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện xác lập, nội dung không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các điều 117, 118, 119, 295, 298, 317, 319 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên là giao dịch dân sự có hiệu lực. Nguyên đơn có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo thỏa thuận trong hợp đồng và theo quy định tại các điều 299, 303, 307 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bị đơn thanh toán xong hết nợ, nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn bản chính Hợp đồng mua bán biệt thự nghỉ dưỡng số NH-3-1.18/2020/HDMBBTND/HGH-NTTT ký ngày 22/9/2020 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần H và bà Nguyễn Thị Thủy T; trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp nêu trên để thu hồi nợ. Khi phát mãi tài sản buộc bị đơn phải giao tài sản bảo đảm để Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc thi hành bản án. Nếu tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

[3] Án phí và chi phí tố tụng:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 101.008.960 đồng. Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3.2 Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 20.000.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền trên theo quy định tại các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với những đánh giá, nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 271, 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Căn cứ các điều 280, 299, 303, 307, 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014);
- Căn cứ Luật án phí, lệ phí năm 2015;
- Căn cứ Điều 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

Buộc bị đơn là bà Nguyễn Thị Thủy T có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q tổng số tiền nợ của Hợp đồng cho vay số 140001.20.113.8024440.TD ngày 26/9/2020 tính đến hết ngày 22/4/2025 là 3.450.447.977 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc 3.275.737.988 đồng (gồm nợ gốc trong hạn 3.223.465.574 đồng, nợ gốc quá hạn 52.272.414 đồng), nợ lãi 174.709.989 đồng (gồm lãi trong hạn 168.346.562 đồng, lãi quá hạn 1.262.832 đồng và lãi chậm trả 5.100.595 đồng).

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án sơ thẩm có hiệu lực pháp luật.

Sau khi bị đơn thanh toán xong nợ, nguyên đơn phải trả lại cho bị đơn bản chính Hợp đồng mua bán biệt thự nghỉ dưỡng số NH-3-1.18/2020/HDMBBTND/HGH-NTTT ký ngày 22/9/2020 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần H và bà Nguyễn Thị Thủy T.

Trường hợp bị đơn không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp là Quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng mua bán biệt thự nghỉ dưỡng số NH-3-1.18/2020/HDMBBTND/HGH-NTTT ký ngày 22/9/2020 và các phụ lục đính kèm giữa Công ty cổ phần H và bà Nguyễn Thị Thủy T về việc mua bán chuyển nhượng biệt thự nghỉ dưỡng có mã số NH-3-1.18, loại biệt thự 2BED-2KEY, khu vực NH-3, dãy 1, số thứ tự 18, diện tích xây dựng 78.33 m2, diện tích khuôn viên biệt thự 252.19 m^2 thuộc khu du lịch vui chơi biệt thự nghỉ dưỡng Royal Ruby Villa Mũi Né tại xã Thiện Nghiệp, phường Mũi Né và phường Hàm Tiến, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận theo Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở số 140012.20.113.8024440.BĐ ngày 26/9/2020 được ký giữa Ngân hàng và bà T để thu hồi nợ. Khi phát mãi tài sản buộc bị đơn phải giao tài sản bảo đảm để Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền thực hiện việc thi hành bản án. Nếu tài sản

bảo đảm không đủ thanh toán nợ cho nguyên đơn thì bị đơn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

2. Án phí và chi phí tố tụng:

2.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thủy T phải chịu án phí là 101.008.960 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 52.865.924 đồng cho nguyên đơn theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0013954 ngày 12/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp.

2.2 Về chi phí tố tụng: Bị đơn phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 20.000.000 đồng và có nghĩa vụ hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền trên theo quy định tại các điều 157, 158 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

3.1 Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bị đơn còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thoả thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Toà án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3.2 Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.GV;
- Chi cục THADS Q.GV;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Trần Thúy Duyên